

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản số: 09/2022/HS-ST

Ngày 07 - 4 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Thẩm phán: Ông Tô Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Đinh Trường Sơn

Ông Phạm Ngọc Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Hà Xuân Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 07/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Đào Thị H, sinh năm 1982, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: trước khi phạm tội giáo viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Việt M và bà Vũ Thị H; chồng Bùi Công C có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/4/2021 đến ngày 18/4/2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

Người bào chữa: Bị cáo từ chối người bào chữa được chỉ định theo quy định của pháp luật.

- Bị hại:

1- Ông Trần Hữu N, sinh năm 1956; nơi cư trú: Thôn P, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

2- Bà Bùi Thị L, sinh năm 1961; nơi cư trú: Phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

3- Ông Mai Văn M, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

4- Ông Phạm Văn N, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn T 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

5- Chị Trần Thị Hằng N, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm 4, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

6- Anh Bùi Văn T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

7- Bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn Í, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình và bà Vũ Thị T2, sinh năm 1965; nơi cư trú phố M, thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

8- Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn H 1, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

9- Chị Tạ Thị Diệu T3, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn H 1, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

10- Bà Trương Thị L, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

11- Chị Đinh Thị Lan H2, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn H 2, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

12- Chị Đinh Thị N, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 17, ngõ 81, đường Phạm N, phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

13- Chị Đặng Thị T4, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm H, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

14- Anh Phạm Đông A, sinh năm 1992; nơi cư trú: Xóm 5, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1- Chị Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn Q, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

2- Chị Đào Thị H3, sinh năm 1980; nơi cư trú tại số 11C, đường T, phường L, thành phố N (có mặt);

3- Anh Đặng Đình P, sinh năm 1980; nơi cư trú: Xóm H, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

4- Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1975; nơi cư trú: Phố N, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

5- Anh Bùi Công C, sinh năm 1982; nơi cư trú phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- *Người làm chứng:* Bà Mai Thị O; chị Trần Thị Nhật L; chị Trần Thị Thùy L; chị Vũ Thị Kim L; chị Phạm Thị M; bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S; chị Nguyễn Thị N; chị Đỗ Thị H; chị Phạm Thị H; anh Bùi Văn H; anh Tống Hồng L; chị Hoàng Huyền T; anh Phạm Văn Đ; chị Nguyễn Thị Thanh H; bà Đỗ Thị O (tất cả đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đào Thị H, là giáo viên Trường tiểu học thị trấn Thiên Tôn, huyện H. Từ năm 2013 đến tháng 12/2020, H đưa ra thông tin gian dối bản thân có người quen làm ở Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình và có khả năng xin được vào biên chế công chức, viên chức nhà nước cho một số người đã tốt nghiệp các trường đại

học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, H đã thu của **14** cá nhân với tổng số tiền là **3.880.000.000 đồng** rồi không xin việc cho họ và bỏ trốn khỏi địa phương để chiếm đoạt số tiền trên, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Năm 2013, ông Trần Hữu N, sinh năm 1956, trú tại thôn P, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình nghe nhiều người nói Đào Thị H có khả năng xin việc vào công chức nhà nước. Ông N đã tìm đến gặp H tại nhà H ở phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình đặt vấn đề xin việc cho con gái là Trần Thị Nhật L, sinh năm 1985, tốt nghiệp đại học khoa kế toán vào làm kế toán biên chế nhà nước. H nhận lời và hứa xin cho chị L vào làm kế toán ở Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình với chi phí 180.000.000 đồng. Ngày 28/12/2013 ông N đã làm hồ sơ xin việc đưa cho H và giao cho H số tiền 120.000.000 đồng, H hứa trong vòng 03 tháng sẽ xin được việc cho chị L và viết 01 “Giấy vay tiền” thể hiện đã vay của ông N số tiền 120.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng. Khoảng 03 tháng sau, H thông báo cho ông N là chuẩn bị có Quyết định tuyển dụng chị L vào Sở Tài chính đã yêu cầu ông N đưa tiếp 40.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ đưa nốt khi nào có quyết định. Ông N đã đưa thêm cho H 40.000.000 đồng (không viết giấy biên nhận). Sau khi nhận được số tiền trên, H đã sử dụng hết để trả nợ và chi tiêu cá nhân. Còn hồ sơ xin việc của chị L, H đã xé bỏ ngay sau khi nhận. Ông N nhiều lần hỏi kết quả thì H đưa ra nhiều lý do để bảo ông N chờ đợi. Đến nay H không trả số tiền 160.000.000 đồng H đã nhận của ông N.

Vụ thứ 2: Năm 2017, bà Bùi Thị L, sinh năm 1961, trú tại phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình thông qua giới thiệu biết Đào Thị H nói có khả năng xin việc được vào biên chế nhà nước. Bà L đã nhờ H xin việc cho con gái là Trần Thị Thùy L1, sinh năm 1991, tốt nghiệp đại học khoa kế toán vào biên chế nhà nước. H hứa xin cho chị L1 vào làm kế toán Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình với chi phí 200.000.000 đồng. Tháng 4/2017, bà L đã đưa hồ sơ xin việc của chị L1 và số tiền trên cho H. Sau hơn một tháng, thấy H không xin được việc cho con gái mình, bà L đã đòi lại tiền và H đã trả lại cho bà toàn bộ số tiền trên. Đến khoảng tháng 7/2017, H nói với bà L chuẩn bị có đợt thi tuyển công chức vào Sở Tài chính và nếu bà L tiếp tục muốn xin việc cho chị L1 thì phải chi phí 200.000.000 đồng. Ngày 03/8/2017, bà L đã đến nhà đưa cho H 180.000.000 đồng và nói số tiền 20.000.000 đồng khi có quyết định tuyển dụng thì sẽ giao nốt. H đã viết 01 “Giấy vay tiền” thể hiện đã vay của bà L số tiền 180.000.000 đồng trong thời gian 01 tháng. Sau khi nhận số tiền trên, H sử dụng để trả nợ và chi tiêu hết. Sau hơn 01 tháng, thấy con mình không có quyết định như H đã hứa, bà L đã nhiều lần liên hệ, tìm gặp H để hỏi lý do và đòi lại tiền nhưng H đưa ra nhiều lý do và không trả lại tiền. Đến tháng 10/2020, bà L tìm hiểu và biết ở huyện N còn thiếu 01 chỉ tiêu công chức nên đã liên lạc với H. H nói có thể xin được cho con gái bà L vào làm kế toán ở UBND huyện N nhưng chi phí hết 160.000.000 đồng và yêu cầu phải đưa tiền trước. Bà L nói với H là không

đủ tiền vì đã đưa cho H 180.000.000 đồng để xin vào Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình. H nói cứ đưa trước cho H 90.000.000 đồng để xin vào UBND huyện N, thiếu bao nhiêu sẽ cho bà L vay, khi nào có quyết định thì sẽ rút số tiền 180.000.000 đồng đặt xin vào sở Tài chính về bù lại sau. Tin lời H, ngày 01/11/2020, bà L hẹn H đến nhà bà để lấy số tiền trên. H đã viết cho bà L 01 “Giấy vay tiền” thể hiện việc mình vay của bà L 90.000.000 đồng với thời hạn vay là 05 ngày. Tổng số tiền 270.000.000 đồng đã nhận của Bà L, H đã chi tiêu cá nhân hết. Còn hồ sơ xin việc của chị L, H đã xé bỏ ngay sau khi nhận.

Vụ thứ 3: Tháng 11/2019, ông Mai Văn M, sinh năm 1964, trú tại thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình, qua giới thiệu của chị gái là bà Mai Thị O, sinh năm 1962 trú tại xã T, huyện K biết Đào Thị H nói có khả năng xin được vào biên chế giao viên cấp 3 huyện K. Ông M đã liên hệ với Đào Thị H nhờ xin cho con dâu mình là Vũ Thị Kim L, sinh năm 1990 (có bằng tốt nghiệp đại học khoa sư phạm vật lý). H nói với chi phí 250.000.000 đồng. Ngày 20/11/2019, ông M cùng bà O đã đến nhà H tại phố T, thị trấn T, huyện H giao cho H số tiền 250.000.000 đồng và hồ sơ xin việc của chị L. H đã viết cho ông M 01 “Giấy vay tiền” thể hiện việc mình vay của ông M số tiền 250.000.000 đồng với thời hạn vay là 01 tháng. Sau khi nhận số tiền trên, H đã sử dụng hết để trả nợ và chi tiêu cá nhân, còn hồ sơ xin việc của chị L, H đã xé bỏ ngay sau khi nhận.

Vụ thứ 4: Năm 2019, ông Phạm Văn N, sinh năm 1965, trú tại thôn T2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, qua việc làm ăn, kinh doanh của mình biết Đào Thị H có khả năng xin việc vào biên chế nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Ông N đã liên hệ, nhờ H xin việc cho con gái mình là Phạm Thị M, sinh năm 1989, có bằng cử nhân kế toán vào làm kế toán trường học trên địa bàn huyện Y. H nói dối có bác làm ở Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình và có thể xin được việc cho chị M vào biên chế kế toán trường học trên địa bàn huyện Y với chi phí 170.000.000 đồng, phải đưa trước 70.000.000 đồng, số tiền còn lại đưa nốt khi nào có quyết định tuyển dụng. Khoảng cuối năm 2019, ông N cùng chị M đã đến nhà H và đưa cho H số tiền 70.000.000 đồng và hồ sơ xin việc của chị M. H hứa ra tết âm lịch năm 2020 sẽ có quyết định. Sau đó, thấy H không xin được việc cho con gái mình, ông N đã đòi lại tiền thì H đã mang đến nhà ông N trả lại 50.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng H bảo ông N để lại để làm tin có cơ hội sẽ giúp xin việc tiếp. Đến ngày 06/11/2020, H liên hệ với ông N yêu cầu ông N giao số tiền 150.000.000 đồng vì 03 ngày sau là có quyết định tuyển dụng của chị M. Sau đó H đã đến nhà ông N lấy 150.000.000 đồng cùng với bằng đại học và bảng điểm (bản gốc) của chị M mà H nói dối là lấy để mang đi cho cơ quan tuyển dụng đối chiếu. H đã viết 01 “Giấy vay tiền” thể hiện việc mình vay của ông N số tiền 150.000.000 đồng. Qua 03 ngày không thấy con gái mình có quyết định tuyển dụng, ông N liên hệ hỏi lý do và đòi lại tiền. Đến ngày 04/12/2020, H đã trả lại bằng đại học, bảng điểm gốc của chị M cho ông N và sau đó bỏ trốn

khỏi địa phương. Toàn bộ số tiền 170.000.000 đồng nhận của ông N, H đã sử dụng hết để trả nợ và chi tiêu cá nhân. Còn hồ sơ xin việc của chị M, H đã xé bỏ ngay sau khi nhận.

Vụ thứ 5: Chị Trần Thị Hằng N, sinh năm 1994, trú tại xóm 4, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình biết Đào Thị H qua sự giới thiệu của bạn bè. Chị N có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm tiếng Anh nên đã đến gặp chị H và đặt vấn đề xin việc cho mình vào biên chế giáo viên tiếng Anh ở trường tiểu học cơ sở xã T, huyện H. H nói xin được với chi phí 280.000.000 đồng. Ngày 23/12/2019, chị N cùng với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967 và cậu ruột là anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1973, đều trú tại xóm 4, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình đến nhà giao cho H 280.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ xin việc chị N đã làm theo hướng dẫn của H. H đã viết 01 “Giấy vay tiền” thể hiện việc vay của bà L số tiền 280.000.000 đồng với thời hạn vay là 02 tháng. Đến ngày 25/12/2019, H nói dối chị N là các trường hợp xin việc khác đều chi phí hết 350.000.000 đồng nên đã yêu cầu chị N phải đưa thêm 70.000.000 đồng và hứa khi nào có lịch dự thi thì sẽ thông báo và trong vòng 02 tháng sẽ có quyết định tuyển dụng nên chị N lại cùng bà L và anh S đã đến nhà H giao thêm cho H 70.000.000 đồng, H đã viết thêm vào phần cuối của “Giấy vay tiền” ngày 23/12/2019 thể hiện việc vay của bà L số tiền 70.000.000 đồng, tổng 02 lần vay là 350.000.000 đồng. Đến tháng 03/2020, H lại nói với chị N là huyện G tổ chức thi tuyển giáo viên, có chỉ tiêu H có thể lo được và hỏi chị N có muốn chuyển chỉ tiêu về huyện G không thì chị N đồng ý. H nói chi phí cũng hết 350.000.000 đồng và phải giao luôn để H lo việc ở G và sau khi có quyết định ở G sẽ lấy trả lại 350.000.000 đồng tiền xin việc trước đó đã lo xin việc ở H cho chị N. Ngày 15/3/2020, chị N lại cùng bà L và anh S đến khu vực quê xã G, huyện G để giao cho H 350.000.000 đồng và H đã viết vào mặt sau “Giấy vay tiền” ngày 23/12/2019 thể hiện việc mình vay của bà L số tiền trên. Sau 02 lần nhận tiền nêu trên, H đã sử dụng hết để chi tiêu và trả nợ cá nhân, còn hồ sơ xin việc của chị N, H đã xé bỏ ngay sau khi nhận. Sau này, khi chị N dự thi tuyển giáo viên ở G không đỗ, liên hệ với H để đòi lại tiền thì đến ngày 08/10/2020, H đã trả lại cho chị N số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 23/11/2020, H đã nhờ người chuyển trả thêm cho chị N 30.000.000 đồng. Đến nay H chiếm đoạt của chị N là 470.000.000 đồng.

Vụ thứ 6: Tháng 3/2020, anh Bùi Văn T, sinh năm 1986, trú tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình biết được thông tin UBND huyện G tổ chức thi tuyển giáo viên. Do có quen biết với chị Đào Thị H, sinh năm 1980, trú tại số 11C, đường T, phường L, TP N, tỉnh Nam Định, giảng viên trường đại học Sư phạm kỹ thuật Nam Định (là chị gái Đào Thị H) và được chị H1 giới thiệu là Đào Thị H có khả năng xin việc vào biên chế nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình nên anh T đã liên hệ với H và đến đặt vấn đề nhờ H xin việc cho vợ mình là chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996, có bằng cử nhân giáo dục mầm non vào

biên chế giáo viên mầm non ở huyện G. H nhận lời và nói xin chi phí hết 280.000.000 đồng và phải giao đủ thì mới lo được. H đã đưa cho anh T 01 bộ hồ sơ hướng dẫn anh T về làm đề chị N dự thi tuyển ở G. Ngày 31/3/2020, anh T đã mang hồ sơ dự thi của chị N xuống nhà đưa cho H. Ngày 03/04/2020, anh T đến nhà H và giao cho H số tiền 220.000.000 đồng và H đã viết cho anh T 01 “Giấy vay tiền” thể hiện việc mình vay của anh T số tiền trên trong thời hạn 03 tháng. Đến ngày 04/4/2020, anh T tiếp tục đến nhà H để giao nốt 60.000.000 đồng. H cũng viết thêm 01 “Giấy vay tiền” trong thời hạn 03 tháng giao cho anh T. Khi UBND huyện G tổ chức thi tuyển, anh T không thấy tên chị N trong danh sách dự thi, hỏi H thì H nói dối có danh sách thi sau. Tổng cộng H đã nhận của anh T số tiền 280.000.000 đồng để xin việc cho chị N nhưng H không thực hiện như đã hứa mà đã mang toàn bộ số tiền trên đi trả nợ và chi tiêu cá nhân. Còn hồ sơ dự thi của chị N, H đã vứt bỏ ngay sau khi anh T giao.

Vụ thứ 7: Đầu năm 2020, chị Đỗ Thị H, sinh năm 1994, trú tại thôn Í, xã N, TP N, tỉnh Ninh Bình có bằng cử nhân giáo dục mầm non. Chị H đã nhiều lần làm hồ sơ thi tuyển giáo viên trên địa bàn huyện H, tỉnh Ninh Bình nhưng không đỗ. Do nghe H khoe có nhiều mối quan hệ có thể xin việc vào biên chế nhà nước nên bà Vũ Thị T2 (sinh năm 1965, trú tại phố M, thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình, là chị ruột của mẹ chị H và là hàng xóm của H) đã rủ bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1960, trú tại thôn Í, xã N, TP N (là chị ruột của bố chị H) đã đến gặp H để đặt vấn đề xin việc cho chị H vào biên chế giáo viên mầm non trên địa bàn huyện H. H nói xin được với chi phí 200.000.000 đồng. Ngày 07/4/2020, bà T1 đã đến nhà giao cho H số tiền 200.000.000 đồng. H đã viết 01 “Giấy vay tiền” thể hiện việc vay của bà T1 số tiền 200.000.000 đồng trong thời hạn 02 tháng. Sau đó, chị H không thi đỗ, đến hỏi H thì H nói dối là lo cho chị H vào sau. Đến khoảng tháng 5/2020, H nói với bà T2 là chuẩn bị có quyết định tuyển dụng của chị H và yêu cầu chị H giao bằng đại học, bảng điểm bản gốc để đổi chiếu hồ sơ và nói nếu muốn chọn trường theo nguyện vọng thì phải mất thêm tiền. Chị H chọn xin vào trường mầm non xã N, H nói chi phí thêm 20.000.000 đồng. Ngày 25/5/2020, bà T2 đã đến nhà H và giao 20.000.000 đồng. H lại viết 01 “Giấy vay tiền” thể hiện việc vay tiền trong vòng 10 ngày. Tuy nhiên, sau khi nhận tổng số tiền 220.000.000 đồng gồm của bà T1 200.000.000 đồng, bà T2 20.000.000 đồng, H không thực hiện như đã cam kết xin việc cho chị H mà mang tiền đi trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Còn bằng đại học, bảng điểm của chị H, sau khi H bỏ trốn anh C là chồng đã tìm thấy và giao nộp lại cho cơ quan điều tra.

Vụ thứ 8: Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1992, trú tại thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình dự thi tuyển viên chức giáo viên do UBND huyện G tổ chức nhưng không đỗ. Qua sự giới thiệu của chị Đinh Thị Lan H2, sinh năm 1976, trú tại thôn H2, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình được biết Đào Thị H nói có thể xin

được việc vào biên chế nhà nước. Khoảng tháng 05/2020, chị H đã cùng chị H2 đến gặp H để đặt vấn đề xin việc cho chị H1 vào biên chế giáo viên trên địa bàn huyện G. Khi nghe chị H1 nói chị H1 vừa thi tuyển nhưng không đỗ, H nói mình có thể chạy cho chị H1 đỗ bằng việc phúc khảo lại kết quả thi với chi phí 300.000.000 đồng, trong vòng 02 tháng sẽ có quyết định tuyển dụng cho chị H1. Ngày 28/5/2020, chị H1 cùng chị H2 đến nhà giao cho H số tiền 300.000.000 đồng. H đã viết cho chị H1 01 “Giấy vay tiền” thể hiện việc mình vay của chị H1 số tiền trên trong thời hạn 02 tháng. Vài ngày sau, H nói với chị H1 là các trường hợp phúc khảo để đỗ khác đều đặt 380.000.000 đồng, H chỉ lấy chị H1 300.000 000 đồng yêu cầu chị H1 giao thêm 80.000.000 đồng và nói sau này có quyết định tuyển dụng sẽ trả lại 80.000.000 đồng cho chị H1. Ngày 04/6/2020, chị H1 lại cùng chị H2 đến nhà H giao thêm cho H 80.000.000 đồng. H lại viết 01 “Giấy vay tiền” và giao cho H1 giữ. Đến đầu tháng 7/2020, thấy các trường hợp thi đỗ khác đã có quyết định tuyển dụng và chuẩn bị đi làm, chị H1 hỏi thì H nói phúc khảo thì có quyết định sau. Đến giữa tháng 7/2020, sau khi chị H1 nhiều lần hỏi H bao giờ có quyết định tuyển dụng thì H đã nói dối chị H1 là chuẩn bị có, sẽ có người của Phòng Nội vụ huyện G gọi điện yêu cầu mang bằng đại học và bảng điểm (bản gốc) lên để đối chiếu trước khi ra quyết định. Huệ đã nhờ anh Bùi Văn H, sinh năm 1985, trú tại thôn Ngô Đ, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình (là em họ của H) gọi điện cho chị H1, xưng là người của Phòng Nội vụ huyện G yêu cầu chị H1 mang bằng đại học và bảng điểm (bản gốc) lên để đối chiếu. Chị H1 nghĩ mình đã trúng tuyển nên đưa bằng và bảng điểm cho H để H mang đối chiếu cho nhanh. Sau đó H mang bằng và bảng điểm của chị H1 về nhà và vài ngày sau đã trả lại cho chị H1. Đến cuối tháng 8/2020, H lại nói dối với chị H1 là lo được cho chị H1 về N dạy vì ở G hơi xa nhưng phải chi phí thêm 70.000.000 đồng, khi nào có quyết định về N thì sẽ trả lại cho chị H1 150.000.000 đồng. Chị H1 đồng ý và ngày 29/8/2020, chị H1 đã đến nhà và đưa thêm cho H 70.000.000 đồng, H đã viết 01 “Giấy vay tiền” với nội dung vay của chị H1 70.000.000 đồng với thời hạn 04 ngày. Toàn bộ số tiền 450.000.000 đồng nhận của chị H1, H không thực hiện như đã cam kết mà mang đi trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ 9: Khoảng tháng 5/2020, chị Tạ Thị Diệu T3, sinh năm 1995, trú tại thôn H1, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình biết Đào Thị H cũng qua sự giới thiệu của chị Đinh Thị Lan H2 (nêu trên). Ngày 23/5/2020, chị T3 và chị H2 đã đến nhà H để nhờ xin tuyển dụng cho chị T3 vào biên chế giáo viên cấp 2 trên địa bàn huyện N. H nói dối là mình xin được với chi phí 300.000.000 đồng, cam kết trong vòng 02 tháng sẽ có quyết định tuyển dụng. Ngày 24/5/2020, chị T3 cùng với chị H2 đến nhà H đưa số tiền 300.000.000 đồng, hồ sơ thi tuyển, H hẹn chị T3 khi nào đến ngày thi tuyển thì H gọi xuống dự thi. Sau khi nhận tiền, H đã viết 01 “Giấy vay tiền” thể hiện nội dung vay của chị T3 số tiền

300.000.000 đồng trong thời hạn 02 tháng. Đến ngày 04/6/2020, H lấy lý do các trường hợp khác xin việc đều đặt cọc 380.000.000 đồng và yêu cầu chị T3 đưa thêm 80.000.000 đồng để đặt cọc và hứa hẹn trong 02 ngày sẽ trả lại số tiền trên nên chị T3 cùng chị H2 đã đến nhà chị H, tiếp tục đưa số tiền 80.000.000đ cho H. Đến tháng 7/2020, chờ mãi không thấy gọi thi tuyển, chị T3 hỏi thì H lại nói dối chị T3 không phải đi thi đã có người thi hộ và đưa ra lý do đang đợi phúc khảo, kiểm tra thanh tra. Đến giữa tháng 7/2020, H lại nói dối chị T3 là chuẩn bị sẽ có người của Phòng Nội vụ huyện N gọi điện yêu cầu mang bằng đại học và bằng điểm (bản gốc) lên để đối chiếu trước khi ra quyết định. H đã nhờ anh Tổng Hồng L, sinh năm 1986, trú tại thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình (là lái xe taxi H thường thuê chở) gọi điện cho chị T3, xưng là người của Phòng Nội vụ huyện N yêu cầu chị T3 mang bằng đại học và bằng điểm (bản gốc) lên để đối chiếu. Chị T3 đã mang bằng và bằng điểm của mình đến trước cửa Nhà văn hóa huyện N và giao cho anh L. Sau đó anh L đã mang về đưa lại cho H, H mang bằng và bằng điểm của chị T3 về nhà và vài ngày sau đã trả lại cho chị T3. Toàn bộ số tiền 380.000.000 đồng nhận của chị T3, H không thực hiện như đã cam kết mà mang đi trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Còn hồ sơ xin việc, H đã xé bỏ ngay sau khi nhận của chị T3.

Vụ thứ 10: Bà Trương Thị L, sinh năm 1964, trú tại thôn H2, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình biết Đào Thị H cũng qua sự giới thiệu của chị Đinh Thị Lan H2 (nêu trên). Bà L đã liên hệ và đặt vấn đề với H xin cho con gái là Hoàng Huyền T, sinh năm 1994 vào viên chức giáo viên PTTH ở huyện N. H nói xin được với chi phí 380.000.000 đồng. H hứa hẹn trong vòng 03 ngày, chậm nhất là 01 tháng có quyết định. Ngày 07/7/2020, bà L cùng chị H đã đến nhà giao cho chị H số tiền 300.000.000 đồng, H đã viết 01 “Giấy vay tiền” thể hiện nội dung vay của bà L 300.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng. Đến ngày 10/7/2020, bà L cùng chị H lại đến nhà giao tiếp cho H số tiền 80.000.000 đồng và hồ sơ xin việc. Toàn bộ số tiền 380.000.000 đồng nhận của bà L, H không thực hiện như đã cam kết mà mang tiền đi trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Còn hồ sơ xin việc, H đã xé bỏ ngay sau khi nhận của bà L.

Vụ thứ 11: Tháng 8/2020, chị Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1989, trú tại thôn Q, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình biết Đào Thị H cũng qua sự giới thiệu của chị Đinh Thị Lan H2 (nêu trên). Chị H3 đã liên hệ với H đặt vấn đề xin cho chị H3 vào biên chế giáo viên trên địa bàn huyện N. H nói mình xin được với chi phí 300.000.000 đồng. Ngày 08/8/2020, chị H3 cùng chị H2 đến nhà H để giao cho H số tiền 300.000.000 đồng và hồ sơ để xin việc. Do chị H3 không biết rõ về chị H nên chị H3 đã nói với chị H2 là giao tiền cho chị H2 để chị H2 đưa tiền cho H xin việc cho chị H3. H đã viết 01 “Giấy vay tiền” với nội dung vay của chị H2 số tiền 300.000.000 đồng trong thời gian 01 tháng, còn chị H2 cũng viết 01 “Giấy vay tiền” giao cho H3 giữ. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền H không

có hoạt động xin việc cho chị H3 mà sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Còn hồ sơ xin việc của chị H3, H đã xé bỏ, tiêu hủy ngay sau khi nhận. Sau này, khi H bỏ trốn khỏi địa phương, chị H2 đã trả cho chị H số tiền 300.000.000 đồng.

Số tiền H chiếm đoạt của chị H2 là 300.000.000 đồng.

Vụ thứ 12: Khoảng tháng 10/2020, chị Đinh Thị N, sinh năm 1984, trú tại số 17, ngõ 81 Phạm N, phố K, phường N, TP N qua mối quan hệ xã hội quen biết với Đào Thị H. Thấy H khoe có khả năng xin được việc vào biên chế nhà nước nên chị N đã đặt vấn đề nhờ H xin cho mình vào biên chế làm việc ở Trung tâm y tế thành phố N. H nói xin được với chi phí 300.000.000 đồng trong vòng 01 tháng. Ngày 22/10/2020, H nói với chị N là có chỉ tiêu vào Trung tâm y tế thành phố N và H xin được, không phải thi, nếu chị N đồng ý thì làm hồ sơ và giao trước 200.000.000 đồng trong vòng 05 ngày từ ngày nộp hồ sơ sẽ có quyết định không phải thi. Chị N đồng ý, H đã đến nhà chị N để lấy số tiền 200.000.000 đồng và 02 bộ hồ sơ xin việc. H đã viết 01 “Giấy vay tiền” với nội dung vay số tiền trên của chị N trong thời gian 10 ngày. Sau đó vài ngày, H lại nói với chị N là chuẩn bị có quyết định tuyển dụng, yêu cầu chị N đưa bằng và bằng điểm gốc để đối chiếu. Ngày 06/11/2020, tại một quán cà phê trên địa bàn TP N, chị N đã giao nốt số tiền 100.000.000 đồng và đưa bằng, bằng điểm gốc của mình cho H. H mang bằng và bằng điểm về nhà vài ngày sau trả lại cho chị N và không có hoạt động xin việc cho chị N, toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng chị N đưa cho H sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Còn hồ sơ xin việc H đã xé bỏ, tiêu hủy ngay sau khi nhận của chị N.

Vụ thứ 13: Chị Đặng Thị T4, sinh năm 1994, trú tại xóm H, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình (có bằng cử nhân sư phạm văn tốt nghiệp năm 2016) biết Đào Thị H qua sự giới thiệu của anh Đặng Đình P, sinh năm 1980, giáo viên trường THPT G. Khoảng tháng 11/2020, chị T4 đã liên hệ nhờ H xin cho chị T4 vào biên chế giáo viên trên địa bàn huyện G. Sáng ngày 23/11/2020, H nói dối chị T4 là ngày 26/11/2020 có đợt xét đặc cách vào biên chế và chi phí hết 280.000.000 đồng, không phải làm hồ sơ dự thi. Chị T4 đồng ý, tối ngày 23/11/2020, chị T4 cùng với chồng là anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1988 và anh P đến nhà H giao cho H 140.000.000 đồng, H viết 01 “Giấy vay tiền” với nội dung vay của chị T4 số tiền trên với thời hạn vay là 10 ngày. Đến ngày 25/11/2020, vợ chồng chị T4 lại đến nhà H giao thêm 130.000.000 đồng nữa cho H, H viết thêm vào phần cuối “Giấy vay tiền” ngày 24/11/2020 nội dung vay của chị T4 130.000.000 đồng, còn thiếu 10.000.000 đồng thì H bảo cho chị T4 vay trước để bù vào, khi nào có quyết định tuyển dụng thì tính sau. Sau khi nhận số tiền trên, H không có hoạt động xin việc cho chị T4 mà sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Khi quá thời gian H hứa xin được việc không được, chị T4

đã yêu cầu H trả lại tiền và đến ngày 04/12/2020, H đã trả lại cho chị T4 140.000.000 đồng Còn nợ 130.000.000 đồng .

Vụ thứ 14: Khoảng tháng 11/2020, bà Đỗ Thị O, sinh năm 1971, trú tại xóm 5, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình biết Đào Thị H qua sự giới thiệu của chị Đoàn Thị N, sinh năm 1975, trú tại phố N, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Bà O và chị N đã liên hệ với H đặt vấn đề xin việc cho con dâu bà O là chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1995 vào biên chế giáo viên mầm non trên địa bàn huyện K. H nói xin được với chi phí là 280.000.000 đồng. Ngày 24/11/2020, bà O đã đưa 120.000.000 đồng cho con trai là anh Phạm Đông A, sinh năm 1992, (là chồng chị H) cùng chị N đã đến nhà H và giao cho H cùng 01 bộ hồ sơ xin việc và bằng Đại học cùng bằng điểm gốc của chị H, khi nào có quyết định tuyển dụng của chị H thì sẽ giao nốt số tiền còn lại (160.000.000 đồng). H đã viết 01 “Giấy vay tiền” với nội dung vay của anh Đông A 120.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày. Sau khi nhận số tiền 120.000.000 đồng trên, H không có hoạt động xin việc cho chị H mà đã sử dụng hết tiền vào việc tiêu sài, trả nợ cá nhân hết còn hồ sơ xin việc H đã tiêu hủy ngay sau khi nhận của anh Đông A và đã làm thất lạc bằng Đại học và bằng điểm gốc của chị H.

Cơ quan điều tra đã làm việc với Sở Nội vụ, Sở tài chính, Sở giáo dục, phòng Nội vụ các huyện N, huyện G, huyện H, huyện K, huyện Y, kết quả các Sở ban ngành trên không nhận bất cứ hồ sơ xin việc nào của những người có tên trên do Đào Thị H nộp để xin thi tuyển, xét tuyển vào công chức, viên chức trong khoảng thời gian trên.

Như vậy tổng số tiền **3.880.000.000 đồng** Đào Thị H đã nhận của 15 người để hứa xin việc cho 14 người vào công chức, viên chức nhà nước, sau khi nhận tiền Đào Thị H không xin việc cho ai chiếm đoạt số tiền trên . Do nhiều người đến đòi tiền trả nên ngày 19/12/2021 Đào Thị H đã bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 15/4/2021 Đào Thị H đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên của mình.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 CMND số 164139170 mang tên Đào Thị H, cấp ngày 09/08/2013; 01 Giấy ủy quyền;
- 03 Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ (01 Hợp đồng bảo hiểm Công ty Dai-ichi số 3167579,
- 02 Hợp đồng bảo hiểm Công ty Manu-life số 2819719803, 2819397330) người mua đều là Đào Thị H và người được hưởng bảo hiểm là chồng Huệ anh Bùi Công C và 02 con gái của H; 02 Phiếu thu phí bảo hiểm số A1900943390 ngày 13/5/2019 và A190149847 ngày 20/5/2019 của Công ty Manulife.

- 01 Bằng tốt nghiệp đại học trường Đại học Hoa Lư số hiệu 1426980 cấp ngày 15/8/2016 cùng 01 Bảng điểm kết quả học tập cấp ngày 11/7/2016 đều mang tên Đỗ Thị Hoa; 01 Bằng tốt nghiệp cao đẳng trường Đại học Hoa Lư số hiệu B 579899 cấp ngày 15/8/2015 cùng 01 Bảng điểm kết quả học tập cấp ngày 08/7/2015 đều mang tên Trần Thị Hằng N.

Số vật chứng trên Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKS-P2 ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố Đào Thị H để xét xử về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đào Thị H phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Căn cứ theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử phạt bị cáo Đào Thị H từ 15 đến 17 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 15/4/2021;

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đào Thị H phải trả lại tổng số tiền 3.880.000.000 đồng đã chiếm đoạt còn lại cho các bị hại, cụ thể như sau: Ông Trần Hữu N số tiền 160.000.000 đồng; bà Bùi Thị L số tiền 270.000.000 đồng; ông Mai Văn M số tiền là 250.000.000 đồng; ông Phạm Văn N số tiền 170.000.000 đồng; chị Trần Thị Hằng N số tiền 470.000.000 đồng; anh Bùi Văn T số tiền 280.000.000 đồng; bà Đỗ Thị T1 số tiền 220.000.000 đồng; chị Phạm Thị H1 số tiền 450.000.000 đồng; chị Tạ Thị Diệu T3 số tiền 380.000.000 đồng; bà Trương Thị L số tiền 380.000.000; chị Đinh Thị Lan H2 số tiền 300.000.000 đồng; chị Đinh Thị N số tiền 300.000.000 đồng; chị Đặng Thị T4 số tiền 130.000.000 đồng; anh Phạm Đông A 120.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện số tiền anh Bùi Công C là chồng bị cáo nộp thay cho bị cáo số tiền 250.000.000 đồng để trả lại cho những người bị hại

Về xử lý vật chứng: Tiếp tục quản lý số tiền 250.000.000 đồng, chồng bị cáo nộp thay cho bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã có đơn xin đầu thú về hành vi phạm tội của mình, mặt khác gia đình bị cáo có bố đẻ tham gia cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, mẹ đẻ được tặng bằng khen của hội khuyến học

Việt Nam, chồng bị cáo được tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất hạng nhì, đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để yên tâm cải tạo sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Người bào chữa: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Đào Thị H được chỉ định người bào chữa nhưng bị cáo đều từ chối người bào chữa được chỉ định. Hội đồng xét xử chấp nhận chấm dứt việc chỉ định người bào chữa theo quy định tại khoản 3 Điều 77 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo được thực hiện quyền tự bào chữa.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đúng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các lời khai của các bị hại phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng; phù hợp với các bản kết luận giám định: Số 278/KLGD-PC09-GĐTL ngày 06/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình; phù hợp với các giấy biên nhận và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến ngày 08/12/2020 Đào Thị H đưa ra thông tin gian dối bản thân có người quen làm ở Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình và có khả năng xin được vào biên chế công chức, viên chức nhà nước; H đã đứng ra nhận tiền, hồ sơ và hứa xin việc cho 14 người đã tốt nghiệp các trường đại học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đủ điều kiện xét tuyển, thi tuyển vào công chức, viên chức với tổng số tiền là 3.880.000.000 đồng sau đó xé bỏ hồ sơ không xin việc cho họ và bỏ trốn khỏi địa phương, nhằm chiếm đoạt số tiền trên. Hành vi của bị cáo đã phạm Tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*”, tội phạm và hình phạt được quy tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2...

3...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

...

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Đào Thị H với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, do đó cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

[3] Khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo Đào Thị H phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi bị truy nã, bị cáo đã đến cơ quan điều tra để đầu thú; bị cáo có bố đẻ tham gia cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, mẹ đẻ được tặng bằng khen của hội khuyến học Việt Nam, chồng bị cáo được tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, hạng nhì; bị cáo đã nhờ chồng nộp số tiền 250.000.000 đồng, đã khắc phục một phần nhỏ hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo Đào Thị H phải cách ly xã hội một thời gian dài là phù hợp với những quy định của pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đào Thị H.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Đào Thị H phải trả lại tổng số tiền 3.880.000.000 đồng đã chiếm đoạt còn lại cho các bị hại, cụ thể như sau: Ông Trần Hữu N số tiền 160.000.000 đồng; bà Bùi Thị L số tiền 270.000.000 đồng; ông Mai Văn M số tiền là 250.000.000 đồng; ông Phạm Văn N số tiền 170.000.000 đồng; chị Trần Thị Hằng N số tiền 470.000.000 đồng; anh Bùi Văn T số tiền 280.000.000 đồng; bà Đỗ Thị T1 số tiền 220.000.000 đồng (trong đó có cả 20.000.000 đồng bà Vũ Thị T2 đưa cho H); chị Phạm Thị H1 số tiền 450.000.000 đồng; chị Tạ Thị Diệu T3 số tiền 380.000.000 đồng; bà Trương Thị L số tiền 380.000.000 đồng; chị Đinh Thị Lan H2 số tiền 300.000.000 đồng; chị Đinh Thị N 300.000.000 đồng;

chị Đặng Thị T4 số tiền 130.000.000 đồng; anh Phạm Đông A số tiền 120.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện số tiền anh Bùi Công C, là chồng bị cáo, nộp thay cho bị cáo số tiền 250.000.000 đồng để trả lại cho những người bị hại.

[4] Về xử lý vật chứng: Tiếp tục quản lý số tiền 250.000.000 đồng do Cơ quan điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã chuyển vào tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để đảm bảo thi hành án.

[5] Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, quá trình điều tra xác định khi giao tiếp với các bị hại, H khoe có bác là Phạm Văn T làm ở Sở Nội vụ, Cơ quan điều tra xác minh ông Phạm Văn T sinh năm 1960 nghỉ hưu tháng 10/2020 trước khi nghỉ hưu là phó phòng công chức, ông T khai nhận không có anh em, họ hàng với H và không nhận tiền, hồ sơ nào từ H để xin việc cho ai, do đó không có căn cứ để xem xét.

Đối với chị Đinh Thị Lan H2 đã giới thiệu cho H 04 trường hợp xin việc, gồm: chị Tạ Thị Diệu T3, Phạm Thị H1, Nguyễn Thị Thu H3 và bà Trương Thị L; chị Đoàn Thị N, anh Đặng Đình P, chị Nguyễn Thị H và chị Đào Thị H mỗi người đã giới thiệu cho H 01 trường hợp xin việc là bà Đỗ Thị O, chị Đặng Thị T4, chị Trần Thị Hằng N và anh Bùi Văn T. H hứa cho những người này giới thiệu mỗi trường hợp xin việc được 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra các cá nhân trên đều khai khi thấy H khoe H có nhiều mối quan hệ có thể xin được việc vào công chức, viên chức nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình nên đã tin tưởng giới thiệu cho người quen, anh em, họ hàng của mình; chưa nhận bất kỳ khoản tiền hay lợi ích vật chất nào từ việc giới thiệu các trường hợp xin việc nêu trên như H đã hứa do đó không có căn cứ xác định các cá nhân trên đồng phạm với H.

Xác minh tài sản; Sau khi ra đầu thú Đào Thị H khai nhận trước khi bỏ trốn H đã viết giấy ủy quyền cho chồng là Bùi Công C và hai con được toàn quyền sử dụng căn nhà tại phố T, thị trấn T, huyện H Căn nhà và đất là tài sản thế chấp khoản vay 800.000.000 đồng của ngân hàng GPBank Ninh Bình, trước khi ra đầu thú, H đã thống nhất với anh C bán nhà để lấy tiền trả nợ ngân hàng, số tiền còn dư ra một phần sẽ dùng để khắc phục hậu quả cho H và để lại một phần để nuôi dưỡng chăm sóc các con. Anh C đã làm thủ tục bán nhà cho vợ chồng anh Nguyễn Trọng Á, sinh năm 1989, chị Hoàng Thị Vân G, sinh năm 1991, trú tại phường N, TP N, tỉnh Ninh Bình, với giá 1.300.000.000 đồng, giao cho anh C số tiền 800.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng và xóa thế chấp, số tiền còn lại 500.000.000 đồng anh C tự nguyện giao nộp 250.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả cho Đào Thị H.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy các chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, yêu cầu đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đã tranh luận trong phiên tòa là hợp pháp và được chấp nhận.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử thấy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo Đào Thị H bị kết án có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền 3.880.000.000 đồng phải hoàn trả.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố:

Bị cáo **Đào Thị H** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Đào Thị H 19 (Mười chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 15/4/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Đào Thị H phải trả lại tổng số tiền 3.880.000.000 đồng đã chiếm đoạt còn lại cho các bị hại, cụ thể như sau: Ông Trần Hữu N số tiền 160.000.000 đồng; bà Bùi Thị L số tiền 270.000.000 đồng; ông Mai Văn M số tiền 250.000.000 đồng; ông Phạm Văn N số tiền 170.000.000 đồng; chị Trần Thị Hằng N số tiền 470.000.000 đồng; anh Bùi Văn T số tiền 280.000.000 đồng; bà Đỗ Thị T1 số tiền 220.000.000 đồng (trong đó có cả 20.000.000 đồng bà Vũ Thị T2 đưa cho Huệ); chị Phạm Thị H1 số tiền 450.000.000 đồng; chị Tạ Thị Diệu T3 số tiền 380.000.000 đồng; bà Trương Thị L số tiền 380.000.000 đồng; chị Đinh Thị Lan H2 số tiền 300.000.000 đồng; chị Đinh Thị N 300.000.000 đồng; chị Đặng Thị T4 số tiền 130.000.000 đồng; anh Phạm Đông A số tiền 120.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện số tiền anh Bùi Công C là chồng bị cáo nộp thay cho bị cáo số tiền 250.000.000 đồng để trả lại cho những người bị hại

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không trả hết số tiền phải thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục quản lý số tiền 250.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án, do Cơ quan điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã chuyển vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo Ủy nhiệm chi lập ngày 27/01/2022 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Bình.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 104.600.000 đồng (*Một trăm linh bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (01 bản);
 - VKSND cấp cao (01 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
 - Phòng Kiểm tra thi hành án (04 bản);
 - Phòng PC02 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng PC 10 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Bị cáo (01 bản);
 - Bị hại (14 bản);
 - Trại giam (01 bản);
 - Người có QLNV LQ (05 bản);
 - Sở tư pháp (01 bản);
 - Lưu hồ sơ (02 bản);
 - Lưu tòa, Tổ hành chính tư pháp (02 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Đức Hiệp**

